**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ GÒ CÔNG**
TỈNH TIỀN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

- Bản án số: **149**/2019/HNGĐ-ST
- Ngày 20 tháng 5 năm 2019.
- V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Bích Liên.
2. Ông Trần Hải Bình.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị An Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa***: Ông Trần Trung Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công - Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:40/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị Phương B**, sinh năm 1988 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 12/1 ĐK, khu phố B, phường B, thị xã GC, Tiền Giang

*2. Bị đơn*: **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VH, xã VTh, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú : Số 12/1 ĐK, khu phố B, phường B, thị xã GC, Tiền Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

** Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Phương B trình bày:* Chị và anh D tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và được Ủy ban nhân dân Phường B cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, anh D đã nộp đơn xin ly hôn với chị, sau đó anh D rút đơn để vợ

chồng đoàn tụ nhưng không hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn cụ thể chị và anh D không cùng chung quan điểm về việc nuôi con, về công việc, anh D thường xuyên giấu chị làm công việc riêng gây ra nợ nần nhiều lần chị đã trả nợ và khuyên nhưng anh vẫn không thay đổi. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian này vợ chồng không có trao đổi để hàn gắn tình cảm. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh D nên xin được ly hôn với anh.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thiên L, sinh ngày 27/11/2011 và Nguyễn Ngọc Phương Th, sinh ngày 06/4/2014 đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn Nguyễn Ngọc D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc chị B xin ly hôn với anh. Toà án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng*: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương B có đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Ngọc D theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Chị Nguyễn Thị Phương B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương B và anh Nguyễn Ngọc D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân Phường B cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Nay chị B yêu cầu ly hôn cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương B là có cơ sở bởi thời gian chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, theo chị B cho rằng chị và anh D không cùng chung quan điểm sống, anh D thường xuyên giấu chị làm công việc riêng gây ra nợ nần, chị đã trả nợ cho anh D và khuyên anh rất nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian này vợ chồng không có trao đổi để hàn gắn tình cảm. Hơn nữa, khi chị B xin ly hôn, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D không đến để trình bày ý kiến về việc chị B xin ly hôn, chứng tỏ anh D cũng không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị B.

Xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh D là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị B và anh D có 02 con chung tên Nguyễn Thiên L, sinh ngày 27/11/2011 và Nguyễn Ngọc Phương Th, sinh ngày 06/4/2014 đang sống chung với chị B. Ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị B và anh D sống ly thân nhau, cháu L và cháu Th sống với chị B, do chị B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống của hai cháu không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến môi trường sống của hai cháu. Hơn nữa theo lời khai của cháu L có nguyện vọng được sống chung với chị B và qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết chị B làm công nhân viên thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B được trực tiếp nuôi cháu L và cháu Th. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương B là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

**Vì các lẽ trên:**

## QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương B.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương B được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương B được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thiên L, sinh ngày 27/11/2011 và Nguyễn Ngọc Phương Th, sinh ngày 06/4/2014. Chị Nguyễn Thị Phương B không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc D cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh Nguyễn Ngọc D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung : Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 42958 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị B đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- UBND Phường B;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU**